

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/DS-PT
Ngày 29 - 8 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương T1 Dũng
Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Văn T: Bà Huỳnh Nguyễn Hoài T2, sinh năm 1977 – Trợ giúp viên Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 2 T2ộc Trung T3 trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ liên hệ: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- Bị đơn: Bà La Thị T1, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà La Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày: Vào khoảng đầu tháng 5 năm 2018 (âm lịch) do là chỗ quen biết nên bà La Thị T1 có nhờ ông T tìm người vay dùm bà T1 số tiền 20.000.000 đồng để làm ăn. Do tin tưởng bà T1 nên ông T đồng ý giúp bà T1. Sau đó ông T đi vay tiền của 02 người cụ thể là vay bà Trần Mỹ L số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng và vay bà Trần Thị Mỹ D số tiền 10.000.000 đồng cũng với lãi suất 5%/tháng. Sau khi vay tiền của bà L và bà D thì ông T cho bà T1 vay lại tổng số tiền là 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa T2ận 5%/tháng. Việc ông T cho bà T1 vay tiền không có làm giấy tờ gì và khi đưa tiền thì cũng không có ai chứng kiến. Sau khi vay tiền của ông T thì bà T1 không có trả được số tiền nào cho ông T. Ông T nhiều lần điện thoại cho bà T1 để yêu cầu trả tiền, trong những lần điện thoại đòi tiền thì bà T1 có thừa nhận nợ tiền của ông T và ông T có ghi âm lại những cuộc điện thoại đòi tiền bà T1. Ngoài ra, có ông Mai Văn T3 nhà ở ấp Bà H, thị trấn N, huyện H có thể làm chứng cho ông T về việc bà T1 có nợ tiền của ông T vì trong một lần ông T3 nói chuyện với bà T1, bà T1 thừa nhận với ông T3 có nợ ông T số tiền 20.000.000 đồng. Ông T xác định trước đây giữa ông T và bà T1 có giao dịch mua bán sữa với nhau. Ông T nhiều lần bán sữa cho bà T1 và bà T1 còn nợ tiền lại. Tuy nhiên tiền nợ từ việc mua bán sữa giữa ông T với bà T1 thì hai bên đã T1 toán dứt điểm. Giữa bà T1 và ông T không còn nợ tiền liên quan đến việc mua bán sữa. Hiện tại bà T1 chỉ còn nợ ông T số tiền từ việc ông T cho bà T1 vay là 20.000.000 đồng vào ngày 14/5/2018 (âm lịch) với lãi suất 5%/tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T yêu cầu bà T1 trả tiền vốn gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 14/5/2018 (âm lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà La Thị T1 trình bày: Bà T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện đòi tiền vay của ông Trần Văn T vì bà T1 không có vay tiền của ông T như ông T trình bày. Bà xác định trước đây vào khoảng năm 2019, giữa bà T1 và ông T có giao dịch mua bán sữa với nhau. Theo đó, ông Trần Văn T đứng ra làm đầu mối lấy sữa từ công ty và mang về giao lại cho bà T1 để bà T1 bán lại cho khách hàng. Trong quá trình mua bán sữa bà T1 có nợ của ông T tổng số 19 hộp sữa với tổng số tiền nợ là 20.000.000 đồng. Lúc giao dịch mua bán sữa với nhau thì bà T1 và ông T có thỏa thuận mỗi hộp sữa bà T1 bán được cho khách hàng bà T1 được hưởng hoa hồng từ ông T là 77.000 đồng. Trong suốt quá trình mua bán sữa với ông T thì bà T1 đã lấy của ông T tổng cộng 19 hộp sữa chỉ bán được 18 hộp sữa. Đến khoảng đầu năm 2020, bà T1 và ông T không mua bán sữa với nhau nữa. Sau khi không mua bán sữa với nhau thì bà T1 có trả lại cho ông T 01 hộp sữa do không bán được tương đương số tiền là 1.280.000 đồng. Đồng thời, bà T1 và ông T thống nhất trừ đi tiền hoa hồng mà bà T1 đã bán được 18 hộp sữa cho ông T tương đương số tiền 1.386.000 đồng. Mặc khác, bà T1 có trả cho ông T 02 lần tiền với tổng số tiền là 9.500.000 đồng. Cụ thể lần thứ nhất con trai bà T1 là Tăng Văn M trả cho ông T số tiền là 8.000.000 đồng. Lần thứ hai bà T1 trả cho vợ ông T là bà Nguyễn Thị N T1 số tiền là 1.500.000 đồng. Còn nợ lại số tiền 7.834.000 đồng đến nay bà

T1 chưa trả cho ông T. Nay bà T1 đồng ý trả cho ông T số tiền còn nợ từ việc mua bán sữa là 7.834.000 đồng. Ngoài ra, bà T1 không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T. Buộc bà La Thị T1 phải trả cho ông Trần Văn T tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử (ngày 18/5/2022) là 27.783.000 đồng (trong đó vốn vay gốc là 20.000.000 đồng, lãi là 7.783.000 đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23 tháng 5 năm 2022, bị đơn bà La Thị T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà La Thị T1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà La Thị T1 nộp trong thời hạn luật định, và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào các Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét thấy, ông Trần Văn T xác định ông có cho bà La Thị T1 vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Bà T1 không thừa nhận có vay tiền của ông T mà xác định trước đây vào khoảng năm 2019 bà có giao dịch mua bán sữa với ông T và còn nợ lại 20.000.000 đồng nhưng đã trả được cho ông T số tiền 12.166.000 đồng, hiện chỉ còn nợ ông T 7.834.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T yêu cầu bà T1 T1 toán số tiền 20.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 14/5/2018 (âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T1 thừa nhận quá trình giao dịch bà T1 còn nợ lại ông T 20.000.000 đồng, tuy nhiên bà T1 cho rằng đây là tiền mua bán sữa và bà đã T1 toán cho ông T được số tiền 12.166.000 đồng. Ông T xác định số tiền bà T1 đã T1 toán cho ông là tiền mua bán sữa, hai bên đã T1 toán dứt điểm trước khi ông T gọi điện thoại đòi

tiền bà T1 và được ghi âm lại. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T có cung cấp các đoạn ghi âm diễn ra từ ngày 02/5/2020 đến ngày 08/01/2022, phía bà T1 thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm của bà. Theo nội dung các đoạn ghi âm đều thể hiện số tiền bà T1 nợ ông T 20.000.000 đồng là tiền vay, không phải tiền mua sữa. Ngoài ra, bà T1 không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T buộc bà T1 trả lại số tiền vay gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật là phù hợp.

[4] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà La Thị T1; chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà La Thị T1 phải chịu 300.000 đồng; bà La Thị T1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T2, miễn, giảm, T2, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà T1 được miễn nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà La Thị T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T2, miễn, giảm, T2, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T. Buộc bà La Thị T1 phải trả cho ông Trần Văn T tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử (ngày 18/5/2022) là 27.783.000 đồng (trong đó vốn vay gốc là 20.000.000 đồng, lãi là 7.783.000 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Bà La Thị T1 được miễn nộp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T2ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đường sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Lệ Kiều